

Số: 1928 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ tại Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc đề nghị chi bổ sung hỗ trợ cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 184/TTr-LĐTBXH ngày 05 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ; như sau:

1. Bổ sung 19 đối tượng và tổng kinh phí hỗ trợ là 14.250.000 đồng (mười bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

2. Kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn ngân sách huyện Cẩm Mỹ (50% dự phòng ngân sách huyện năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách huyện).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Cẩm Mỹ chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Hiệp



DANH SÁCH BỔ SUNG NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CẨM MỸ
(Ban hành kèm theo Quyết định 128/QĐ-UBND ngày 1.0../6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Mẫu số 1

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
B		1	2	3	4=2x3	5
I	XÃ THỪA ĐỨC	1	1	750.000	750.000	
	Chủ hộ: Trần Thị Huệ	1	1	750.000	750.000	Ấp 4
II	XÃ BẢO BÌNH	3	3	2.250.000	2.250.000	
1	Chủ hộ: Nguyễn Thị Liễu	1	1	750.000	750.000	Ấp Tân Bảo
2	Chủ hộ: Vòng Lý Đình	2	2	750.000	1.500.000	Ấp Tân Bình
	Vòng Kỳ Hùng			750.000		
III	XÃ XUÂN ĐÔNG	1	1	750.000	750.000	
21	Chủ hộ: Nguyễn Thị Đào	1	1	750.000	750.000	Ấp La Hoa
	Tổng cộng		5	3.750.000	3.750.000	

Tổng số tiền bằng chữ: Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp

**DANH SÁCH BỔ SUNG NGƯỜI THUỘC HỘ CẬN NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH
HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CẨM MỸ**

(Ban hành kèm theo Quyết định 1928/QĐ-UBND ngày 10./6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Mẫu số 2

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=2x3	5
I	XÃ NHÂN NGHĨA	15	2	1.500.000	1.500.000	
1	Chủ hộ: Đặng Thị Tư Đặng Minh Hậu	8	1	0 750.000	750.000	Áp Cam Tiên
2	Chủ hộ: Dương Giang Võ Dương Tấn Phát	7	1	0 750.000	750.000	Áp Tân Lập
II	XÃ XUÂN BẢO	45	11	8.250.000	8.250.000	
3	Chủ hộ: Nguyễn Quang Nguyễn Quốc Đạt	6	1	0 750.000	750.000	Áp Tân Hạnh
4	Chủ hộ: Lý Lương Thành Lý Mỹ Linh Lý Mỹ Vân	7	2	0 750.000 750.000	1.500.000	Áp Tân Hạnh
5	Chủ hộ: Lê Thị Thanh Nhân Đình Đình Hồ	5	1	0 750.000	750.000	Áp Tân Hạnh
6	Chủ hộ: Lê Thị Thất Lê Thị Cà Rây	4	1	0 750.000	750.000	Áp Tân Hạnh
7	Chủ hộ: Phan Ngọc Linh Phan Ngọc Thái Phan Thị Hồng Thắm	6	2	0 750.000 750.000	1.500.000	Áp Tân Hạnh
8	Chủ hộ: Võ Văn Nhỏ Võ Ngọc Ái My	8	1	0 750.000	750.000	Áp Tân Hạnh
9	Chủ hộ: Phan Thị Mỹ Hạnh Đào Xuân Phú	5	1	0 750.000	750.000	Áp Nam Hà
10	Chủ hộ: Hoàng Thị Mỹ Linh Hoàng Trần Thái Trường Hoàng Tuyết Nhi	4	2	0 750.000 750.000	1.500.000	Áp Nam Hà
III	XÃ XUÂN ĐƯƠNG	5	1	750.000	750.000	
11	Chủ hộ: Nguyễn Thị Ánh Hồng Dương Thị Cụt	5	1	0 750.000	750.000	Áp 1
Tổng cộng		65	14	10.500.000	10.500.000	
Tổng số tiền bằng chữ: Mười triệu năm trăm nghìn đồng chẵn						

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN THUYỀN CẨM MỸ

(Ban hành kèm theo Quyết định 1928/QĐ-UBND ngày ...10/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Đơn vị	HỘ NGHÈO			HỘ CẬN NGHÈO			Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Số hộ nghèo	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo được hỗ trợ	Số hộ cận nghèo	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo được hỗ trợ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ		
1	Xã Nhân Nghĩa	0	0	0	2	15	2	2	750.000	1.500.000
2	Xã Xuân Bảo	0	0	0	8	45	11	11	750.000	8.250.000
3	Xã Thửa Đức	1	1	1	0	0	0	1	750.000	750.000
4	Xã Xuân Đường	0	0	0	1	2	1	1	750.000	750.000
5	Xã Bảo Bình	3	3	3	0	0	0	3	750.000	2.250.000
6	Xã Xuân Đông	1	1	1	0	0	0	1	750.000	750.000
Tổng cộng		5	5	5	11	62	14	19		14.250.000

Tổng số tiền bảng chữ: Mười bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp

Mẫu số 3